|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG  **TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1.1. Số lớp:** 3 **; Số học sinh: 113;**

**1.2. Tình hình đội ngũ:**

**Số giáo viên:** 1 ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0 Đại học: 10;

Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên 1 :** Tốt: 0; Khá: 1 ; Đạt: 0 ; Chưa đạt: 0

**1.3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận*

*thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chủ đề /Bài học** | **Sô lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
|  | | | | |
| ***1*** | ***Chủ đề: Oxit*** | 1 | - Hoá chất: CuO, HCl, máy tính, CaO, dd HCl, dd H2SO4 loãng, CaCO3, dd Ca(OH)2, Na2SO3, H2SO4 loãng, S, Ca(OH)2. |  |
| 2 | Chủ đề: Axit | 1 | - Hoá chất: dd HCl, H2SO4 loãng, H2SO4 đặc, Cu, Zn, dd CuSO4, dd NaOH, quỳ tím, Fe2O3, đường saccarozơ. |  |
| 3 | Thực hành: Tính chất hóa học của oxit và axit | 6 | - Hoá chất : CaO, H2O, P đỏ, dd HCl, dd H2SO4, dd Na2SO4, dd NaCl, dd BaCl2, quỳ tím . |  |
| 4 | Chủ đề: Bazơ | 1 | - Hóa chất: Dung dịch: Ca(OH)2, NaOH, phenolphthalein; quì tím; điều chế Cu(OH)2 từ dung dịch NaOH và dung dịch CuSO4, giấy đo độ pH; dung dịch muối ăn, dung dịch dấm, nước vôi trong. |  |
| **5** | Chủ đề: Muối | 1 | - Hoá chất: AgNO3, CuSO4, BaCl2, NaCl, H2SO4, HCl, Cu, Fe. |  |
| 6 | Phân bón hóa học | 1 | -Mẫu phân đạm, lân, kali, NPK |  |
| **7** | Chủ đề: Tính chất của kim loại | 1 | - Hoá chất: Giấy gói kẹo bằng nhôm, một đoạn dây nhôm, 1 mẫu than, dung dịch CuSO4, dây Zn, ddAgNO3, HCl, Na, H2O. |  |
| 8 | Nhôm | 1 | - Dụng cụ: Đèn cồn,giá ống nghiệm, ống nghiệm, kẹp gỗ.  - Hoá chất: Dug dịch H2SO4, dung dịch CuCl2 , dung dịch HCl. Dung dịch NaOH, bột Al. |  |
| 9 | Sắt | 1 | - Hoá chất: Dug dịch H2SO4, dung dịch CuCl2 , dung dịch HCl, đinh sắt, |  |
| 10 | Ăn mòn kim loại và bảo vệ kim loại không bị ăn mòn. | 1 | - Dụng cụ: giá ống nghiệm, ống nghiệm, kẹp gỗ.  - Hoá chất: Dung dịch muối ăn, nước, đinh sắt |  |
| *11* | *Thực hành:* Tính chất hóa học của nhôm và sắt | 6 | - Hoá chất:  Bột nhôm, Fe bột, S, dung dịch NaOH. |  |
| 12 | Tính chất chung của phi kim | 1 | - Dụng cụ: Đèn cồn, giá ống nghiệm, ống nghiệm, kẹp gỗ, thìa đốt hoá chất, lọ tam giác. |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 13 | Chủ đề:  Cacbon và hợp chất cacbon | 1 | Than bút chì, than gỗ (cacbon vô định hình).  - Chuẩn bị thí nghiệm: tính hấp phụ của than gỗ, cacbon tác dụng với oxit kim loại, cacbon cháy trong oxi |  |
| *14* | *Thực hành:* Tính chất hóa học của phi kim và hợp chất của chúng | 6 | - Hoá chất: C, CuO, NaHCO3, dd Ca(OH)2, NaCl, Na2CO3, CaCO3, H2O, dd HCl  - Dụng cụ: Ống nghiệm, đèn cồn, ống hút, quẹt diêm, đũa thuỷ tinh |  |
| 15 | Khái niệm về hợp chất hữu cơ và hóa học hữu cơ | 1 | Bông(tóc), ống nghiệm, quẹt diêm, nước vôi trong.  Một số mẫu hợp chất hữu cơ thường gặp |  |
| 16 | Metan | 1 | -  Mô hình phân tử metan dạng đặc và dạng rỗng. |  |
| 17 | Etilen | 1 | - Mô hình phân tử etilen dạng rỗng. |  |
| 18 | Thực hành: Tính chất hóa học của hidrocacbon | 1 | - Hoá chất: giấy quỳ tím, mảnh kẽm, mẩu đá vôi nhỏ, bột đồng (II) oxit, axit axetic, rượu etylic |  |
| 19 | Rượu Etylic. | 1 | Hóa chất: Rượu etylic, mẫu Na, nước |  |
| 20 | Axit Axetic | 1 | Mô hình phân tử axitaxetic dạng rỗng. |  |
| 21 | Mối quan hệ của Etylen, rượu Etylic và axit Axetic | 1 | Máy tính, máy chiếu |  |
| 22 | Chất béo | 1 | - Dầu thực vật, mỡ động vật, xăng, ống nghiệm, pipet, cốc thủy tinh, |  |
| 23 | Thực hành: Tính chất của rượu và axit | 6 | - Hoá chất: giấy quỳ tím, mảnh kẽm, mẩu đá vôi nhỏ, bột đồng (II) oxit, axit axetic, rượu etylic |  |
| 24 | Glucozo- Saccarozo | 1 | - Hoá chất: Glucozơ, Saccarozơ, nước  dung dịch AgNO3, dung dịch NH3. |  |
| 25 | Tinh bột và Xenlulozo | 1 | - Hóa chất: Tinh bột, xenlulozơ, hồ tinh bột, Iôt. |  |
| 26 | Protein | 1 | - Hóa chất: Lông gà, lòng trắng trứng gà, H2O, rượu. |  |

**II. Phân phối chương trình**

Cả năm 70 tiết. Học kì 1: 36 tiết. Học kì 2: 34 tiết

**Học kì 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | Ôn tập chương trình hóa 8 | **1** | - Giúp học sinh hệ thống lại kiến thức ở lớp 8 làm cơ sở để tiếp thu những kiến thức mới ở chương trình hóa học lớp 9.  - Học sinh tái hiện lại kiến thức đã học trong chương trình hoá học 8: Viết KHHH, CTHH, lập PTHH… |
| **2** | Tính chất hóa học của oxit, khái quát về sự phân loại oxit | **1** | – Tính chất hoá học của oxit:  + Oxit bazơ tác dụng được với nước, dung dịch axit, oxit axit.  + Oxit axit tác dụng được với nước, dung dịch bazơ, oxit bazơ.  – Sự phân loại oxit, chia ra các loại: oxit axit, oxit bazơ, oxit lưỡng tính va oxit trung tính. |
| **3** | Một số oxit quan trọng | **1** | -Tính chất, ứng dụng, điều chế canxi oxit và lưu huỳnh đioxit. |
| **4** | Luyện tập về oxit | **1** | - Củng cố những kiến thức đã học về tính chất hoá học của oxit, dẫn ra những phản ứng hóa học minh hoạ cho tính chất của những hợp chất trên bằng những chất cụ thể như: CaO, SO2  - Viết phương trình hóa học cho dãy chuyển hóa.  - Bài toán tính khối lượng, nồng độ dung dịch. |
| **5** | Tính chất hóa học của axit | **1** | Tính chất hoá học của axit: Tác dụng với quỳ tím, với bazơ, oxit bazơ và kim loại. |
| **6** | Một số axit quan trọng.- Axit sunfuric | **1** | Tính chất, ứng dụng, cách nhận biết axit HCl, H2SO4 loãng, muối sunfat và H2SO4 đặc (tác dụng với kim loại, tính háo nước).  Phương pháp sản xuất H2SO4 trong công nghiệp. |
| **7** | Luyện tập về axit | **1** | - Củng cố những kiến thức đã học về: tính chất hoá học của axit, dẫn ra những phản ứng hóa học minh hoạ cho tính chất của những hợp chất trên bằng những chất cụ thể như: HCl, H2SO4.  - Viết phương trình hóa học.  - Bài toán tính khối lượng, nồng độ dung dịch. |
| **8** | Thực hành: Tính chất hóa học của oxit và axit | **1** | Mục đích, các bước tiến hành, kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm:  + Oxit tác dụng với nước tạo thành dung dịch bazơ hoặc axit.  + Nhận biết được dung dịch axit hoặc bazơ và dung dịch muối sunfat |
| **9** | Tính chất hóa học của bazơ | **1** | Những tính chất hoá học chung của bazơ (tác dụng với axit), tính chất hóa học riêng của bazơ tan (kiềm) (tác dụng với chất chỉ thị màu, với oxit axit và với dung dịch muối), tính chất riêng của bazơ không tan trong nước (bị nhiệt phân hủy). |
| **10** | Một số bazơ quan trọng | **1** | - Tính chất ứng dụng của NaOH.  - Phương pháp sản xuất NaOH từ muối ăn. |
| **11** | Một số bazơ quan trọng (tt) | **1** | - Tính chất, ứng dụng của Ca(OH)2.  - Ý nghĩa giá trị pH của dung dịch. |
| **12** | Tính chất hóa học của muối | **1** | - Tính chất hóa học của muối: tác dụng với kim loại, dung dịch axit, dung dịch bazơ, dung dịch muối khác,nhiều muối bị phân hủy ở nhiệt độ cao. |
| **13** | Tính chất hóa học của muối | **1** | - Khái niệm và điều kiện phản ứng trao đổi thực hiện được |
| **14** | Một số muối quan trọng. | **1** | Một số tính chất và ứng dụng của muối NaCl |
| **15** | **Ôn tập giữa HKI** | **1** | - Nội dung kiến thức từ tiết 1 đến tiết 14 |
| **16** | **Kiểm tra giữa HKI** | **1** | - Tính chất hóa học của các hợp chất vô cơ (từ tiết 1 đến tiết 14)  - Điều kiện để phản ứng hóa học giữa muối và các chất khác được xảy ra.  - Viết phương trình hóa học.*;* Nhận biết các chất; Tính thể tích dung dịch, khối lượng dung dịch… |
| **17** | Phân bón hóa học | **1** | - Biết được tên, thành phần hóa học và ứng dụng của một số phân bón hóa học thông dụng.  - Nhận biết được một số phân bón hóa học thông dụng. |
| **18** | Mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ | **1** | Biết và chứng minh được mối quan hệ  giữa oxit, axit, bazơ, muối.  - Lập sơ đồ mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ.  - Viết được các phương trình hóa học biểu diễn sơ đồ chuyển hóa.  - Phân biệt một số hợp chất vô cơ cụ thể. |
| **19** | Luyện tập chương I: Các loại hợp chất vô cơ | **1** | - Học sinh nắm lại sự phân loại hợp chất vô cơ. HS nhớ lại và hệ thống hoá những tính chất hoá học của mỗi loại hợp chất.  - Phân biệt các loại hợp chất vô cơ.  -Viết phương trình hóa học.  - Bài toán tính khối lượng, nồng độ dung dịch, tính phần trăm khối lượng hỗn hợp các chất và xác định công thức của hợp chất. |
| **20** | *Thực hành:* Tính chất hóa học của bazơ và muối | **1** | - Mục đích các bước tiến hành, kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm:  - Bazơ tác dụng với dung dịch axit, với dung dịch muối.  - Dung dịch muối tác dụng với kim loại, với dung dịch muối khác và với axit.  - Sử dụng dung cụ hóa chất để tiến hành an toàn, thành công 5 thí nghiệm trên. |
| **21** | Tính chất của kim loại | **1** | - Tính chất vật lí của kim loại.  - Tính chất hóa học của kim loại: Tác dụng với phi kim,dung dịch axit, dung dich muối. |
| **22** | Dãy hoạt động hóa học của kim loại | **1** | - Dãy hoạt động hóa học của kim loại K, Na, Mg, Al, Zn, Fe, Pb, (H) Cu, Ag, Au.  - Ý nghĩa của dãy hoạt động hóa học của kim loại. |
| **23** | Nhôm | **1** | - Tính chất hóa học của nhôm: chúng có những tính chất hóa học chung của kim loại; nhôm không phản ứng với HNO3 và H2SO4 đặc nguội. Nhôm phản ứng với dung dịch kiềm. |
| **24** | Sắt | **1** | - Tính chất hóa học của sắt: chúng có những tính chất hóa học chung của kim loại; sắt không phản ứng với HNO3 và H2SO4 đặc nguội. Sắt là kim loại có nhiều hóa trị. |
| **25** | Hợp kim sắt: Gang, Thép | **1** | - Biết thành phần chính của gang và thép.  - Sơ lược về phương pháp sản xuất gang và thép. |
| **26** | Ăn mòn kim loại và bảo vệ kim loại không bị ăn mòn. | **1** | - Khái niệm về sự ăn mòn kim loại và một số yếu tố ảnh hưởng đến sự ăn mòn kim loại.  - Cách bảo vệ kim loại khỏi sự ăn mòn. |
| **27** | Luyện tập chương II: Kim loại | **1** | -HS ôn tập hệ thống lại: Dãy hoạt động hoá học của kim loại. Tính chất hoá học của kim loại. Tính chất giống nhau và khác nhau giữa nhôm và sắt. Thành phần, tính chất, sản xuất gang, thép. Sản xuất nhôm. Sự ăn mòn kim loại là gì? Biện pháp bảo vệ kim loại.  - Rèn kỹ năng hệ thống hoá kiến thức, so sánh để rút ra tính chất hoá học giống nhau và khác nhau giữa nhôm & sắt, vận dụng ý nghĩa của dãy hoạt động hoá học để viết các PTHH, giải bài tập hoá học. |
| **28** | *Thực hành:* Tính chất hóa học của nhôm và sắt | **1** | Biết được: Mục đích các bước tiến hành và có kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm:  - Nhôm tác dụng với oxi  - Fe tác dụng với S  - Nhận biết kim loại Al và Fe. |
| **29** | Tính chất chung của phi kim | **1** | - Tính chất vật lí của phi kim.  - Tính chất hóa học của phi kim: Tác dụng với kim loại, với hiđro, và với oxi.  - Sơ lược về mức độ hoạt động hóa học mạnh yếu của một số phi kim. |
| **30** | Clo | **1** | - Biết tính chất vật lí của clo.  - Clo có một số tính chất chung của phi kim (tác dụng với kim loại ,với hiđro), clo còn tác dụng với nước và với dung dịch bazơ, clo là phi kim hoạt động hóa học mạnh. |
| **31** | Clo (tt) | **1** | Ứng dụng phương pháp điều chế và thu khí clo trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp. |
| **32** | Cacbon | **1** | – Cacbon có 3 dạng thù hình chính: kim cương, than chì và cacbon vô định hình.  – Cacbon vô định hình (than gỗ, than xương, mồ hóng…) có tính hấp phụ và hoạt động hoá học mạnh chất. Cacbon là phi kim hoạt động hoá học yếu: tác dụng với oxi và một số oxit kim loại.  – Ứng dụng của cacbon. |
| **33** | Các oxit của cacbon | **1** | - CO là oxit không tạo muối, độc, khử được nhiều oxit kim loại ở nhiệt độ cao.  - CO2 có tính chất của oxit axit. |
| **34** | Ôn tập học kỳ I | **1** | Giúp HS ôn lại những kiến thức đã học về:  - Tính chất hoá học, phân loại và mối quan hệ giữa các hợp chất vô cơ.  - Bài tập tính theo phương trình hóa học liên quan đến C% và CM |
| **35** | Ôn tập học kỳ I | **1** | - Tính chất hoá học của kim loại và dãy hoạt động hoá học, tính chất hoá học của phi kim  - Các dạng bài tập về kim loại |
| **36** | Kiểm tra học kỳ I | **1** | - Nội dung kiến thức từ tiết 1 đến tiết 33 |
| **Học kỳ 2**  **Từ tuần 19 đến tuần 35** | | | |
| **37** | Axit Cacbonic và muối Cacbonat | **1** | – H2CO3 là axit yếu, không bền  – Tính chất hoá học của muối cacbonat (tác dụng với dung dịch axit, dung dịch bazơ, dung dịch muối khác, bị nhiệt phân huỷ). |
| **38** | Silic. Công nghiệp silicat | **1** | – Silic là phi kim hoạt động yếu (tác dụng được với oxi, không phản ứng trực tiếp với hiđro), SiO2 là một oxit axit (tác dụng với kiềm, muối cacbonat kim loại kiềm ở nhiệt độ cao).  – Một số ứng dụng quan trọng của silic, silic đioxit và muối silicat.  – Sơ lược về thành phần và các công đoạn chính sản xuất thuỷ tinh, đồ gốm, xi măng. |
| **39** | Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học | **1** | - Các nguyên tố trong bảng tuần hoàn được sắp xếp theo chiều tăng dần của điện tính hạt nhân nguyên tử. Lấy ví dụ minh hoạ.  - Cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: Ô nguyên tố, chu kì, nhóm. Lấy ví dụ minh họa. |
| **40** | Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (tt) | **1** | - Qui luật biến đổi tính kim loại, phi kim trong chu kì và nhóm. Lấy ví dụ minh họa.  - Ý nghĩa của bảng tuần hoàn: Sơ lược về mối quan hệ giữa cấu tạo nguyên tử, vị trí nguyên tố trong bảng tuần và tính chất hóa học cơ bản của nguyên tố đó. |
| **41** | Luyện tập chương III | **1** | Giúp HS hệ thống hoá lại các kiến thức đã học trong chương như:  - Tính chất của ph kim, clo, cacbon, silic, oxit cacbon, axit cacbonic, tính chất của muối cacbonat  - Cấu tạo bảng tuần hoàn và sự biến đổi tuần hoàn tính chất của các nguyên tố trong chu kỳ, nhóm và ý nghĩa của bảng tuần hoàn. |
| **42** | *Thực hành:* Tính chất hóa học của phi kim và hợp chất của chúng | **1** | Hiểu mục đích, các bước tiến hành, kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm:  - Cacbon khử CuO ở nhiệt độ cao.  - Nhiệt phân muối NaHCO3.  - Nhận biết muối cacbonat và muối clorua cụ thể.  - Có kỹ năng sử dụng dụng cụ và hóa chất để tiến hành an toàn, thành công các thí nghiệm trên; quan sát, mô tả, gíải thích hiện tượng thí nghiệm và viết PTHH. |
| **43** | Khái niệm về hợp chất hữu cơ và hóa học hữu cơ |  | - Nắm khái niệm về hợp chất hữu cơ và hoá học hữu cơ.  - Phân loại các hợp chất hữu cơ. |
| **44** | Cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ | **1** | Đặc điểm cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ, công thức cấu tạo hợp chất hữu cơ và ý nghĩa của nó. |
| **45** | Metan | **1** | - Viết công thức phân tử, công thức cấu tạo, biết đặc điểm cấu tạo của metan.  - Tính chất vật lí: Trạng thái, màu sắc, tính tan trong nước, tỉ khối so với không khí.  - Tính chất hoá học: Tác dụng được với clo (phản ứng thế), với oxi ( phản ứng cháy).  - Metan được dùng làm nhiên liệu và nguyên liệu trong đời sống và sản xuất.  - Viết PTHH dạng công thức phân tử và công thức cấu tạo thu gọn. |
| **46** | Etilen | **1** | - Viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo, biết đặc điểm cấu tạo của etilen.  - Tính chất vật lí: Trạng thái, màu sắc, tính tan trong nước, tỉ khối so với không khí.  - Tính chất hoá học: Phản ứng cộng brom trong dung dịch; phản ứng trùng hợp tạo PE, phản ứng cháy.  - Ứng dụng: Làm nguyên liệu điều chế nhựa PE, ancol (rượu) etylic , axit axetic.. |
| **47** | Axetilen | **1** | Biết công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo.  - Tính chất vật lí: Trạng thái, màu sắc, tính tan trong nước, tỉ khối so với không khí.  - Tính chất hoá học: Phản ứng cộng brom trong dung dịch, phản ứng cháy.  - Ứng dụng: Làm nhiên liệu và nguyên liệu trong công nghiệp. |
| **48** | Dầu mỏ và khí thiên nhiên Nhiên liệu | **1** | - Nắm khái niệm, thành phần, trạng thái tự nhiên của dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu và phương pháp khai thác chúng; một số sản phẩm chế biến từ dầu mỏ.  - Ứng dụng: Dầu mỏ và khí thiên nhiên là nguồn nhiên liệu và nguyên liệu quý trong công nghiệp.  - Khái niệm về nhiên liệu, các dạng nhiên liệu phổ biến (rắn, lỏng, khí)  - Hiểu được: Cách sử dụng nhiên liệu (gas, dầu hỏa, than…) an toàn có hiệu quả, giảm thiểu ảnh hưởng không tốt tới môi trường. |
| **49** | Luyện tập chương IV | **1** | – CTCT, đặc điểm cấu tạo, tính chất hóa học (phản ứng đặc trưng), ứng dụng chính của me tan, etilen, axetilen, benzen. Cách điều chế  – Thành phần của dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu và các sản phẩm chưng cất dầu mỏ  – Khái niệm nhiên liệu – các loại nhiên liệu.  - Củng cố các phương pháp giải bài tập nhận biết, xác định CT hợp chất hữu cơ, tính phần trăm các chất trong hỗn hợp… |
| **50** | Thực hành: Tính chất hóa học của hidrocacbon | **1** | - Làm thí nghiệm điều chế khí axetilen từ canxi cacbua; Thí nghiệm đôt cháy axetilen và cho axetilen tác dụng với dung dịch Br2; |
| **51** | **Ôn tập giữa HK2** | **1** | - Củng cố các kiến thức từ tiết 37 đến tiết 48 thông  qua các bài tập trắc nghiệm khách quan, bài tập tự luận, các dãy chuyển hóa, bài tập nhận biết, nêu hiện tượng, viết phương trình hóa học, giải thích các hiện tượng trong thực tiễn cuộc sống. |
| **52** | Kiểm tra giữa kỳ | **1** | - Nội dung kiến thức từ tiết 37 đến tiết 48 |
| **53** | Rượu Etylic. | **1** | – Công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo.  – Tính chất vật lí: Trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi.  – Khái niệm độ rượu  – Tính chất hóa học: Phản ứng với Na, với axit axetic, phản ứng cháy  – Ứng dụng: làm nguyên liệu dung môi trong công nghiệp  – Phương pháp điều chế ancol etylic từ tinh bột, đường hoặc từ quen. |
| **54** | Axit Axetic | **1** | - Biết công thức phân tử, viết công thức cấu – Công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo của axit axetic.  – Tính chất vật lí: Trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi.  – Tính chất hóa học: Là một axit yếu, có tính chất chung của axit, tác dụng với ancol etylic tạo thành este.  – ứng dụng: làm nguyên liệu trong công nghiệp, sản xuất giấm ăn.  – Phương pháp điều chế axit axetic bằng cách lem men ancol etylic. |
| **55** | Mối quan hệ của Etylen, rượu Etylic và axit Axetic | **1** | – Mối liên hệ giữa các chất: quen, ancol etylic, axit axetic, este etylaxetat. |
| **56** | Chất béo | **1** | – Khái niệm chất béo, trạng thái thiên nhiên, công thức tổng quát của chất béo đơn giản là (RCOO)3C3H5 đặc điểm cấu tạo.  – Tính chất vật lí: trạng thái, tính tan  – Tính chất hóa học: Phản ứng thủy phân trong môi trường axit và trong môi trường kiềm (phản ứng xà phòng hóa)  – ứng dụng: Là thức ăn quan trọng của người và động vật, là nguyên liệu trong công nghiệp. |
| **57** | Luyện tập: Rượu etylic, axitaxetic và chất béo | **1** | CTCT, đặc điểm cấu tạo, tính chất hóa học (phản ứng đặc trưng), ứng dụng chính của ancol etylic, axit axetic, chất béo.  Cách điều chế axit axetic, ancol etylic, chất béo.  - Rèn luyện kỹ năng giải 1 số dạng bài tập về độ rượu, hiệu suất... |
| **58** | Thực hành: Tính chất của rượu và axit | **1** | - Thực hiện thí nghiệm thể hiện tính chất của axit axetic  - Thực hiện thí nghiệm điều chế este axetat.  - Viết PTHH minh họa các thí nghiệm đã thực hiện.  - Tiếp tục rèn luyện các kỹ năng về thực hành hoá học, giáo dục ý thức cẩn thận, tiết kiệm trong thực hành thí nghiệm. |
| **59** | Glucozo- Saccarozo | **1** | - Ứng dụng: glucozo và sacarozo là chất dinh dưỡng quan trọng của con người và động vật. |
| **60** | Tinh bột và Xenlulozo | **1** | Biết được:  – Trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí của tinh bột và xenlulozơ  – Công thức chung của tinh bột và xenlulozơ là (C6H10O5)n  – Tính chất hóa học của tinh bột và xenlulozơ: phản ứng thủy phân, phản ứng màu của hồ tinh bột và im  – ứng dụng của tinh bột và xenlulozơ trong đời sống và sản xuất  – Sự tạo thành tinh bột và xenlulozơ trong cây xanh. |
| **61** | Protein | **1** | – Khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử (do nhiều amino axit tạo nên) và khối lượng phân tử của protein  – Tính chất hóa học: Phản ứng thủy phân có xúc tác là axit, hoặc bazơ hoặc enzim,bị đông tụ khi có tác dụng của hóa chất hoặc nhiệt độ, dễ bị phân thủy khi đun nóng mạnh. |
| **62** | Polime | **1** | – Định nghĩa, cấu tạo, phân loại polime (polime thiên nhiên và polime tổng hợp)  – Tính chất chung của polime  – Khái niệm về chất dẻo,cao su, tơ sợi và những ứng dụng chủ yếu của chúng trong đời sống ,sản xuất |
| **63** | Polime | **1** | – Định nghĩa, cấu tạo, phân loại polime (polime thiên nhiên và polime tổng hợp)  – Tính chất chung của polime  – Khái niệm về chất dẻo,cao su, tơ sợi và những ứng dụng chủ yếu của chúng trong đời sống ,sản xuất |
| **64** | Luyện tập | **1** | - Luyện tập về các hợp chất hidrocacbon  - Luyện tập về các hợp chất dẫn xuất của hidrocacbon |
| **65**  **66**  **67** | **- Hoạt động trải nghiệm:**  + Tác hại của việc sử dụng rượu bia đối với học sinh THCS.  **- Hoạt động trải nghiệm:**  + Cách làm rượu trái cây lên men  + Sản xuất giấm ăn từ một số loại trái cây. | **3** | - Nêu được tác hại của việc sử dụng rượu bia đối với học sinh THCS.  - Vận dụng kiến thức đã học về axit axetic để làm rượu trái cây lên men. |
| **68**  **69** | Ôn tập học kì II | **2** | - Hệ thống hóa lại các kiến thức hóa hữu cơ đã học  - các dạng bài tập hóa hữu cơ cơ bản đã học  - Hệ thống lại các kiến thức cơ bản về 4 loại HC vô cơ và các công thức tính cơ bản.  - Hệ thống hóa lại các kiến thức hóa hữu cơ đã học  - Các dạng bài tập hóa hữu cơ cơ bản đã học  - Ôn tập bám sát ma trận thống nhất của Sở GDĐT |
| **70** | Kiểm tra cuối kỳ II | **1** | - Nội dung kiến thức từ tiết 37 đến tiết 67 |

**II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 2023 - 2024)

**1. Khối lớp: 6, 7, 8, 9 ; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** | |
| 1 | Ngày hội Stem | Vận dụng kiến thức đã học để làm được mô hình sản phẩm Stem | 1 buổi | Tháng 11 | Sân trường | | Nhà trường | Tổ CM |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  |  |  | |
| **TỔ TRƯỞNG**    **Phạm Thị Vy** | | | | | | *Đại Hưng, ngày 4 tháng 9 năm 2023*  **KT.HIỆU TRƯỞNG**  **P.HIỆU TRƯỞNG**    **Phạm Xuyên** | | | |